

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:13/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05 tháng 02 năm 2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Đức Nhân

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 325/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXX-ST ngày 08/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1998

Hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Thôn H, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Chị D có mặt, anh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Hoàng Thị D có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D kết hôn với anh Nguyễn Văn L do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 05/12/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà anh L ở Thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh L nghiện ma túy dẫn đến không tu chí làm ăn, vợ chồng không có kinh tế. Từ

cuối tháng 10 năm 2020, Chị D đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ ở thôn H, xã A sinh sống và ly thân với anh L từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị Hoàng Thị D trình bày, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 01/01/2018. Hiện con chung đang ở cùng với chị. Ly hôn, chị D đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh L phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Hiện tại Chị D không có thai nghén gì. Lý do chị nhận nuôi con vì con còn quá nhỏ, lại là con gái nên cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Chị có công việc và thu nhập ổn định, có chỗ ở đảm bảo điều kiện sinh hoạt cho hai mẹ con. Con chung cũng đang được chị cho học tập tại Trường Mầm non xã A, con khỏe mạnh và phát triển bình thường như các bạn cùng lứa tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2021 anh L có quan điểm như sau:

Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn giữa anh và chị Hoàng Thị D như Chị D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình anh tại thôn V, xã A. Quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì xảy ra. Tháng 10 năm 2020 Chị D tự ý đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ ở xã A sinh sống. Anh cố xuống tìm và bảo Chị D quay về nhưng Chị D không nghe, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay Chị D cương quyết ly hôn, anh nhất trí ly hôn vì đã níu kéo nhưng không có kết quả.

Về con chung: Anh L trình bày, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc D1 đúng như Chị D trình bày. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu Chị D phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh L không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh về điều kiện nuôi con nộp cho Tòa án.

- Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện không chấp hành pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Hoàng Thị D và anh Nguyễn Văn L là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã A, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án hai lần triệu tập đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị D, anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng 03 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, anh L không chịu khó làm ăn dẫn đến vợ chồng cãi cọ lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Chị D đề nghị ly hôn nhưng anh L không trực tiếp đến Tòa án trình bày quan điểm, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Điều đó chứng tỏ anh L không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị D, anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, xử cho chị được ly hôn anh L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị D, anh L có 01 con chung là Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 01/01/2018. Hiện nay con chung đang ở cùng Chị D ở thôn H, xã A, huyện Q. Chị D đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh L phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Còn anh L cùng gia đình cũng mong muốn được trực tiếp nuôi cháu D.

Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của Chị D, anh L đều chính đáng, tuy nhiên điều kiện nuôi con của Chị D được đảm bảo hơn, bởi lẽ: Chị D đi làm, có thu nhập ổn định từ 04 đến 06 triệu đồng/tháng, từ tháng 10/2020 đến nay con chung vẫn ở cùng Chị D, con khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang học tập tại Trường mầm non xã A, mọi chi phí sinh hoạt, học tập của con đều do Chị D tự lo liệu. Mặt khác, anh L hiện đang đi học lái xe tại Hải Phòng, không có thu nhập, không chứng minh được các điều kiện cần thiết để nuôi dưỡng con chung. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của Chị D, xử cho Chị D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị D không yêu cầu anh L phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xét vì các đương sự không yêu cầu.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao chị Hoàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc D1, sinh ngày 01/01/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị D không yêu cầu anh L phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) Chị D đã nộp theo Biên lai thu số 0004616 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Chị Hoàng Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã A, h. Q (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phụng